

ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Ngày 25 tháng 04 năm 2025

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU.....	4
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....	4
Điều 1. Định nghĩa	4
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	4
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, đại diện theo pháp luật, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công Ty	5
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	5
Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công Ty	5
Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động	8
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	9
Điều 5. Vốn Điều Lệ, cổ phần, các loại chứng khoán khác	9
Điều 6. Chứng chỉ cổ phiếu.....	10
Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác	10
Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần.....	11
Điều 9. Thu hồi cổ phần.....	11
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT.....	11
Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý	11
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	12
Điều 11. Quyền của Cổ Đông	12
Điều 12. Nghĩa vụ của Cổ Đông	13
Điều 13. Đại Hội Đồng Cổ Đông.....	14
Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại Hội Đồng Cổ Đông.....	15
Điều 15. Đại Diện Theo Ủy Quyền, Người Được Ủy Quyền Dự Hợp	17
Điều 16. Thay đổi các quyền.....	18
Điều 17. Triệu tập Đại Hội Đồng Cổ Đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại Hội Đồng Cổ Đông	19
Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại Hội Đồng Cổ Đông	20
Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.....	21
Điều 20. Thông qua quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông	23
Điều 21. Thâm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông.....	24
Điều 22. Nghị quyết, Biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.....	26
Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông	26
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	27
Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	27
Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội Đồng Quản Trị.....	28
Điều 26. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội Đồng Quản Trị.....	28
Điều 27. Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị.....	31
Điều 28. Các cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị	31
Điều 29. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.....	34
Điều 30. Người Phụ Trách Quản Trị Công Ty.....	35
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY	35
Điều 31. Tổ chức bộ máy quản lý	35
Điều 32. Người Điều Hành Công ty.....	35
Điều 33. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám Đốc.....	36
IX. ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	37
Điều 34. Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban kiểm toán	37
Điều 35. Thành phần Ủy ban Kiểm toán.....	37

Điều 36. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán.....	37
Điều 37. Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán	38
Điều 38. Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên	38
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ	38
Điều 39. Trách nhiệm cẩn trọng.....	39
Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	39
Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	40
XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	41
Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	41
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	42
Điều 43. Công nhân viên và công đoàn	42
XIII. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN.....	42
Điều 44. Cổ tức	42
Điều 45. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận	42
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN.....	42
Điều 46. Tài khoản ngân hàng	42
Điều 47. Năm tài khóa.....	43
Điều 48. Hệ Thống Kế Toán.....	43
XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG.....	43
Điều 49. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý và báo cáo thường niên	43
Điều 50. Công bố thông tin.....	44
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY.....	44
Điều 51. Kiểm toán	44
XVII. CON DẤU	44
Điều 52. Con dấu.....	44
XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	44
Điều 53. Chấm dứt hoạt động	44
Điều 54. Thanh lý.....	45
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	45
Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ	45
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	46
Điều 56. Bổ sung và sửa đổi Điều Lệ	46
XXI. NGÀY HIỆU LỰC	46
Điều 57. Ngày hiệu lực	46

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều Lệ này của Công ty Cổ phần THẾ GIỚI SỐ (sau đây gọi là "**Công Ty**") được Đại Hội Đồng Cổ Đông của Công Ty thông qua ngày 25 tháng 04 năm 2025 và thay thế bản Điều Lệ và các phụ lục sửa đổi Điều Lệ trước đây.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Định nghĩa

1.1. Trong Điều Lệ này, ngoài các thuật ngữ được định nghĩa trực tiếp tại các điều khoản có liên quan, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:

"Cổ đông" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;

"Vốn Điều Lệ" là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này.

"Vốn có quyền biểu quyết" là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

"Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020.

"Luật Chứng khoán" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

"Người điều hành doanh nghiệp" là Giám đốc (Tổng giám đốc), Phó giám đốc (Phó tổng giám đốc), Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;

"Người quản lý doanh nghiệp" là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty;

"Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

"Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;

"Sở giao dịch chứng khoán" là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

1.2. Trong Điều Lệ này, các tham chiếu tới một quy định hoặc văn bản sẽ bao gồm cả các sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế quy định hoặc văn bản đó.

1.3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều Lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc theo dõi và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều Lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, đại diện theo pháp luật, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công Ty

2.1. Tên Công Ty

(a) Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

(b) Tên tiếng Anh: DIGIWORLD CORPORATION

(c) Tên viết tắt: DIGIWORLD CORPORATION

2.2. Công Ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với Pháp Luật của Việt Nam. Các Cổ Đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công Ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công Ty.

2.3. Trụ sở đăng ký của Công Ty

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, Số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

2.4. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công Ty.

2.5. Công Ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện trong nước hoặc tại nước ngoài để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công Ty phù hợp với nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị và trong phạm vi Pháp Luật không cấm.

2.6. Trừ khi chấm dứt hoạt động theo Điều 49 của Điều Lệ này, thời hạn hoạt động của Công Ty là vô thời hạn kể từ Ngày Thành Lập.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công Ty

3.1. Lĩnh vực kinh doanh của Công Ty như sau:

Mã ngành	Tên ngành nghề
6190	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: Đại lý cung cấp dịch vụ bưu chính viễn thông (không kinh doanh đại lý cung cấp dịch vụ internet). Cung cấp các dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng viễn thông và internet (trừ dịch vụ truy cập, truy cập internet)
4321	Lắp đặt hệ thống điện (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)
4329	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)
9521	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng Chi tiết: Bảo hành, sửa chữa máy ảnh; camera; máy nghe nhạc; máy xem phim kỹ thuật số (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)

1079	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: sản xuất thực phẩm chức năng
4722	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ thực phẩm chức năng (Trừ việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)
4632	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn chè (không hoạt động tại trụ sở); bán buôn cà phê; Bán buôn sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột (trừ đường mía, đường củ cải) (không hoạt động tại trụ sở). Bán buôn thực phẩm chức năng. (Trừ việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)
4633	Bán buôn đồ uống Chi tiết: Bán buôn đồ uống có cồn. Bán buôn đồ uống không có cồn.
5820	Xuất bản phần mềm Chi tiết: Sản xuất sản phẩm công nghệ phần mềm.
4651 (Chính)	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm Chi tiết: Mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện (trừ vật phẩm đã ghi hình).
4652	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông Chi tiết: Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử. Bán buôn điện thoại, tổng đài điện thoại. Bán buôn linh kiện và phụ kiện điện thoại, thẻ sim card điện thoại, thẻ sim, thẻ cào (Trừ việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)
2620	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính Chi tiết: Sản xuất máy vi tính và linh kiện
2610	Sản xuất linh kiện điện tử
4649	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn nước hoa, nước thơm, dầu thơm, mỹ phẩm, son phấn, đồ dùng trang điểm, chế phẩm vệ sinh, nước gội đầu, sữa tắm, chế phẩm khử mùi hôi, khăn giấy thơm, sản phẩm chăm sóc răng miệng, tã lót, sản phẩm khử mùi, sản phẩm chăm sóc phụ nữ. Bán buôn bột giặt, nước xả vải, nước rửa chén, nước lau chùi nhà cửa, sản phẩm chai xịt diệt muỗi/gián, nhang chống muỗi, khăn giấy dùng trong nhà vệ sinh. Bán buôn dụng cụ y tế. Xuất nhập khẩu dụng cụ y tế, dụng cụ thẩm mỹ. Bán buôn dụng cụ thẩm mỹ. Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh.

	(trừ vật phẩm đã ghi hình và hàng hoá thuộc danh mục dự trữ quốc gia)
6209	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính Chi tiết: Dịch vụ lắp đặt bảo trì hệ thống máy vi tính.
7490	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Chuyển giao công nghệ thông tin, tự động điều khiển.
6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản. (Trừ đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng)
9511	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi Chi tiết: Sửa chữa hệ thống máy vi tính (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).
9512	Sửa chữa thiết bị liên lạc Chi tiết: Sửa chữa tổng đài điện thoại; bảo hành, sửa chữa điện thoại cố định; điện thoại di động; kinh kiện và phụ kiện điện thoại; thẻ sim điện thoại (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).
7310	Quảng cáo Chi tiết: Quảng cáo thương mại.
4322	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí (trừ lắp đặt các thiết bị lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản)
8230	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại Chi tiết: Dịch vụ tổ chức hội nghị, hội thảo; Tổ chức hội chợ triển lãm, lễ hội (không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh).
4741	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ vật phẩm đã ghi hình). Bán lẻ sim card điện thoại, thẻ sim, thẻ cào
4742	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)
4759	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)

7020	Hoạt động tư vấn quản lý
5210	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa
5224	Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không)
5229	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải
4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị y tế. Bán buôn thiết bị phòng thí nghiệm, thiết bị khoa học kỹ thuật; Bán buôn máy móc, thiết bị văn phòng, trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi; Bán buôn phương tiện vận tải trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe đạp; Bán buôn bàn, ghế, tủ văn phòng; Bán buôn người máy thuộc dây chuyền sản xuất tự động; Bán buôn vật liệu điện khác như động cơ điện, máy biến thế; Bán buôn dây điện, công tắc và thiết bị lắp đặt khác cho mục đích công nghiệp; Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường; Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu; Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính; Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào đâu để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác. (Trừ việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)
4772	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ dụng cụ y tế. Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh. (Trừ việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật và hàng hóa thuộc danh mục dự trữ quốc gia)
4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
1812	Dịch vụ liên quan đến in Chi tiết: In bao bì
8299	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dịch vụ bảo quản thuốc;
7710	Cho thuê xe có động cơ
7721	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí
7722	Cho thuê băng, đĩa video
7729	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác
7730	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển

3.2. Mục tiêu hoạt động của Công Ty: Công Ty được thành lập để thực hiện các lĩnh vực kinh doanh quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

4.1. Công Ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công Ty và Điều Lệ này, phù

hợp với quy định của Pháp Luật và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công Ty.

4.2. Công Ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác mà Pháp Luật không cấm và Hội Đồng Quản Trị xét thấy có lợi nhất cho Công Ty và được Đại Hội Đồng Cổ Đông phê chuẩn.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 5. Vốn Điều Lệ, cổ phần, các loại chứng khoán khác

5.1. Vốn Điều Lệ của Công ty là 2.193.201.690.000 đồng (Hai nghìn một trăm chín mươi ba tỷ, hai trăm lẻ một triệu, sáu trăm chín mươi nghìn đồng).

Mệnh giá của cổ phần là 10.000 (mười nghìn) đồng/cổ phần. Tổng số cổ phần của Công Ty bằng với Vốn Điều Lệ của Công Ty chia cho mệnh giá của cổ phần.

5.2. Công Ty có thể thay đổi Vốn Điều Lệ khi được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua và phù hợp với các quy định của Pháp Luật.

5.3. Tất cả các cổ phần của Công Ty vào ngày thông qua Điều Lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo cổ phần phổ thông được quy định tại Điều 11 của Điều Lệ này.

5.4. Công Ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi sau khi có sự chấp thuận của Đại Hội Đồng Cổ Đông và phù hợp với các quy định của Pháp Luật.

5.5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các Cổ Đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của mỗi Cổ Đông trong Công Ty, trừ trường hợp Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định khác.

5.6. Trong trường hợp Công Ty phát hành thêm cổ phần phổ thông và chào bán số cổ phần đó cho tất cả các Cổ Đông hiện hữu theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của mỗi Cổ Đông thì Công Ty phải thông báo việc chào bán cổ phần đó, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp (tối thiểu hai mươi (20) ngày làm việc) để Cổ Đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần mà Cổ Đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội Đồng Quản Trị của Công Ty quyết định. Hội Đồng Quản Trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng có khả năng mua theo các điều kiện và cách thức mà Hội Đồng Quản Trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các Cổ Đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại Hội Đồng Cổ Đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao Dịch Chứng Khoán theo phương thức đấu giá.

5.7. Hội Đồng Quản Trị quyết định giá chào bán cổ phần trong số cổ phần được quyền chào bán. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách kế toán của Công Ty tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:

- (a) Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là Cổ Đông sáng lập;
- (b) Cổ phần chào bán cho tất cả Cổ Đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của mỗi Cổ Đông trong Công Ty;

- (c) Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh; trong trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của số Cổ Đông đại diện cho ít nhất bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, trừ khi Pháp Luật có quy định khác hoặc cơ quan có thẩm quyền có chấp thuận khác;
- (d) Các trường hợp khác do Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định hoặc Pháp Luật quy định hoặc được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép.

5.8. Công Ty có thể mua cổ phần do chính Công Ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều Lệ này và các quy định Pháp Luật. Tất cả các cổ phần do Công Ty mua lại là cổ phiếu quỹ của Công Ty và Hội Đồng Quản Trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều Lệ này, Luật Chứng Khoán và các văn bản Pháp Luật liên quan.

5.9. Công Ty có thể phát hành trái phiếu có bảo đảm và không có bảo đảm. Khi được Đại Hội Đồng Cổ Đông phê chuẩn, Công Ty có thể phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền. Khi được Hội Đồng Quản Trị phê chuẩn, Công Ty có thể phát hành các loại trái phiếu khác.

5.10. Công Ty cũng có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông.

Điều 6. Chứng chỉ cổ phiếu

6.1. Cổ Đông của Công Ty được cấp chứng chỉ cổ phiếu hoặc giấy chứng nhận sở hữu cổ phần (sau đây gọi chung là “Chứng chỉ cổ phiếu”) tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

6.2. Chứng chỉ cổ phiếu phải có dấu của Công Ty và chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công Ty theo các quy định tại Luật Doanh Nghiệp. Chứng chỉ cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phần mà Cổ Đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh Nghiệp. Mỗi Chứng chỉ cổ phiếu ghi danh chỉ đại diện cho một loại cổ phần.

6.3. Khi Công Ty phát hành cổ phần mới, trong thời hạn hai (2) tháng (hoặc có thể lâu hơn theo quy định của các điều khoản về việc phát hành cổ phần) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phần của Công Ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp Chứng chỉ cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công Ty chi phí in Chứng chỉ cổ phiếu hoặc bất kỳ khoản phí nào khác khi mua cổ phần mới được phát hành.

6.4. Trường hợp chứng chỉ cổ phiếu bị mất, bị rách, bị tẩy xóa, bị tiêu hủy hoặc không còn sử dụng được dưới hình thức khác, thì Cổ Đông có thể được Công Ty cấp lại Chứng chỉ cổ phiếu theo đề nghị của Cổ Đông đó theo quy định, với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công Ty.

Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu/giấy chứng nhận sở hữu trái phiếu hoặc các chứng chỉ/giấy chứng nhận sở hữu chứng khoán khác của Công Ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), sẽ được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công Ty, trừ trường hợp các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần

8.1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều Lệ này và Pháp Luật có quy định khác. Cổ phần niêm yết trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của Pháp Luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và các quy định của Sở Giao Dịch Chứng Khoán.

8.2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ sẽ không được chuyển nhượng và sẽ không được hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phần phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phần mới chào bán.

Điều 9. Thu hồi cổ phần

9.1. Trường hợp Cổ Đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền mua cổ phần phải trả, Hội Đồng Quản Trị sẽ gửi thông báo cho Cổ Đông đó để yêu cầu Cổ Đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với tiền lãi do chậm thanh toán tính trên số tiền còn lại với mức lãi suất cao nhất được phép áp dụng tại thời điểm đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công Ty. Tiền lãi sẽ được tính từ ngày gửi thông báo cho đến ngày toàn bộ số tiền theo thông báo được thanh toán trên thực tế.

9.2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu bảy (7) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm và phương thức thanh toán. Thông báo sẽ ghi rõ rằng trong trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi và các quyền cổ đông liên quan sẽ không phát sinh cho đến khi cổ phần được thanh toán đầy đủ, trừ trường hợp Hội Đồng Quản Trị có quyết định cụ thể khác.

9.3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện đầy đủ và đúng hạn, Hội Đồng Quản Trị có quyền thu hồi số cổ phần có liên quan.

9.4. Cổ phần bị thu hồi được xem là tài sản của Công Ty. Hội Đồng Quản Trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội Đồng Quản Trị cho là phù hợp. Hội Đồng Quản Trị có thể xử lý các cổ phần bị thu hồi theo quy định tại các Điều 9.4, 9.5 và 9.6 của Điều Lệ này và trong các trường hợp khác được quy định tại Điều Lệ này.

9.5. Cổ Đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ đương nhiên từ bỏ tư cách Cổ Đông đối với những cổ phần đó (nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi được tính theo mức lãi suất cao nhất được phép áp dụng tại thời điểm đó) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội Đồng Quản Trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội Đồng Quản Trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phần vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.

9.6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý

Mô hình quản trị của Công Ty bao gồm: (i) Đại Hội Đồng Cổ Đông; (ii) Hội Đồng Quản Trị; (iii) Ủy ban Kiểm toán trực thuộc Hội Đồng Quản Trị; (iv) Tổng Giám Đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 11. Quyền của Cổ Đông

11.1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

- a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
- b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
- d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
- đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
- e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- f) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;
- g) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;
- h) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
- k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
- l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

11.2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

- a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c) Yêu cầu Hội đồng quản trị kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

11.3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

Điều 12. Nghĩa vụ của Cổ Đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

12.1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

12.2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

12.3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

12.4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

12.5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

12.6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng [phương tiện khác] theo quy định trong Điều lệ công ty.

12.7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

- a) Vi phạm pháp luật;
- b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

12.8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 13. Đại Hội Đồng Cổ Đông

13.1. Đại Hội Đồng Cổ Đông bao gồm tất cả Cổ Đông có quyền biểu quyết và là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công Ty. Cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (1) lần. Địa điểm họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Đại Hội Đồng Cổ Đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (4) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

13.2. Hội Đồng Quản Trị tổ chức triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của Pháp Luật và Điều Lệ Công Ty. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.

13.3. Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập Đại Hội Đồng Cổ Đông bất thường trong một trong các trường hợp sau:

- (a) Hội Đồng Quản Trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công Ty;
- (b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- (c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ

ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

- (d) Theo yêu cầu của Ủy ban kiểm toán;
- (e) Các trường hợp khác theo quy định của Pháp Luật và Điều Lệ này.

13.4. Đại Hội Đồng Cổ Đông bất thường sẽ được triệu tập như sau:

- (a) Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trong thời hạn ba mươi ngày kể từ ngày số thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;
- (b) Trường hợp Hội Đồng Quản Trị không triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ủy ban Kiểm toán thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
- (c) Trường hợp Ủy ban Kiểm toán không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;
- (d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại Hội Đồng Cổ Đông

14.1. Đại Hội Đồng Cổ Đông có các quyền và nhiệm vụ sau:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;

k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ủy ban Kiểm toán;

l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ủy ban Kiểm toán;

m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

14.2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;

c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị; thành viên độc lập Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại Điều 284 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

d) Báo cáo của Ủy ban Kiểm toán về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc);

đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ủy ban Kiểm toán và thành viên Ủy ban Kiểm toán;

e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị;

h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy ban Kiểm toán;

i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ủy ban Kiểm toán;

k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;

l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;

m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị từ 35% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất trừ trường hợp giao dịch, hợp đồng giữa Công ty với công ty con, công ty liên kết;

s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ủy ban Kiểm toán;

u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

14.3. Cổ Đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

(a) Các hợp đồng quy định tại (b)14.1 Điều Lệ này khi Cổ Đông đó hoặc Người Có Liên Quan của Cổ Đông đó là một bên của hợp đồng; và

(b) Việc mua lại cổ phần của Cổ Đông đó hoặc của Người Có Liên Quan của Cổ Đông đó, trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các Cổ Đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán.

14.4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 15. Đại Diện Theo Ủy Quyền, Người Được Ủy Quyền Dự Họp

15.1 Cổ Đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số Đại Diện Theo Ủy Quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của Pháp Luật và Điều Lệ này; trường hợp có nhiều hơn một Đại Diện Theo Ủy Quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi Đại Diện Theo Ủy Quyền. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi Đại Diện Theo Ủy Quyền phải được thông báo bằng văn bản đến Công Ty trong thời hạn sớm nhất. Thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

(a) Tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số và ngày quyết định thành lập hoặc đăng ký kinh doanh của Cổ Đông;

(b) Số lượng cổ phần, loại cổ phần và ngày đăng ký Cổ Đông tại Công Ty;

(c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Đại Diện Theo Ủy Quyền;

(d) Số cổ phần được ủy quyền đại diện;

- (đ) Thời hạn thực hiện đại diện; và
- (e) Họ, tên, chữ ký của Đại Diện Theo Ủy Quyền và người đại diện theo pháp luật của Cổ Đông.

15.2. Các Cổ Đông có quyền tham dự cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho Người Được Ủy Quyền Dự Hợp tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một Người Được Ủy Quyền Dự Hợp được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi Người Được Ủy Quyền Dự Hợp. Người Được Ủy Quyền Dự Hợp không nhất thiết phải là Cổ Đông của Công Ty.

15.3. Việc ủy quyền cho Người Được Ủy Quyền Dự Hợp tham dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải lập thành văn bản và phải có chữ ký. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên các nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty)

15.4. Phiếu biểu quyết của Người Được Ủy Quyền Dự Hợp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

- (a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- (b) Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền; hoặc
- (c) Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của Người Được Ủy Quyền Dự Hợp.

15.5 Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của giấy ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty)

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công Ty nhận được thông báo bằng văn bản về một trong các sự kiện trên chậm nhất hai mươi bốn (24) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 16. Thay đổi các quyền

16.1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được Cổ Đông nắm giữ ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số cổ phần phổ thông của Công Ty tham dự họp thông qua, đồng thời được Cổ Đông nắm giữ ít nhất bảy mươi lăm phần trăm (75%) số cổ phần ưu đãi đã phát hành loại đó biểu quyết thông qua.

16.2. Việc tổ chức một cuộc họp của các Cổ Đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai Cổ Đông (hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Hợp của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành tham dự. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì sẽ tổ chức họp lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và Cổ Đông nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc

thông qua Người Được Ủy Quyền Dự Hội đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của các Cổ Đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua Người Được Ủy Quyền Dự Hội đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

16.3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18 và Điều 20 của Điều Lệ này.

16.4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Công Ty sẽ không bị thay đổi khi Công Ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 17. Triệu tập Đại Hội Đồng Cổ Đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại Hội Đồng Cổ Đông

17.1. Hội Đồng Quản Trị sẽ triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông. Cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông cũng có thể được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điều 13.4(b) hoặc Điều 13.4(c) của Điều Lệ này.

17.2. Người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

- (a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông; Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
- (b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
- (c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
- (d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; và
- (e) Các công việc khác phục vụ Đại hội đồng cổ đông.

17.3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các Cổ Đông bằng phương thức bảo đảm đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán, trên website của Công Ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các Cổ Đông hoặc/và đăng trên website của Công Ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ các tài liệu họp để các Cổ Đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- (a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- (b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị;
- (c) Phiếu biểu quyết;

- (d) Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
- (e) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

17.4. Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông theo quy định tại Điều 11.3 của Điều Lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại Hội Đồng Cổ Đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công Ty ít nhất năm (5) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên Cổ Đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

17.5. Người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông có quyền từ chối những đề xuất được đưa ra theo Điều 17.4 của Điều Lệ này trong một trong các trường hợp sau:

- (a) Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
- (b) Vào thời điểm đề xuất, Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông không sở hữu ít nhất trên năm phần trăm (5%) tổng số cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (6) tháng trở lên; hoặc
- (c) Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại Hội Đồng Cổ Đông bàn bạc và thông qua.

17.6. Hội Đồng Quản Trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.

17.7. Các quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông với số Cổ Đông trực tiếp tham dự hoặc thông qua Người Được Ủy Quyền Dự Hợp đại diện một trăm phần trăm (100%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công Ty là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định.

17.8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại Hội Đồng Cổ Đông

18.1. Cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được coi là hợp lệ khi có số Cổ Đông và Người Được Ủy Quyền Dự Hợp đại diện cho ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công Ty tham dự.

18.2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết theo quy định tại Điều 18.1 nêu trên trong vòng sáu mươi (60) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp, người triệu tập họp phải hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại Hội Đồng Cổ Đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được triệu tập lại chỉ được coi là hợp lệ khi có thành viên tham dự là các Cổ Đông và những Người Được Ủy Quyền Dự Hợp đại diện cho ít nhất ba mươi ba phần trăm (33%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công Ty.

18.3. Trường hợp cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết theo quy định tại Điều 18.2 nêu trên trong vòng sáu mươi (60) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp, cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông lần thứ

ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi ngày kể từ ngày dự định tiến hành họp Đại Hội Đồng Cổ Đông lần thứ hai, và trong trường hợp này cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng Cổ Đông hay Người Được Ủy Quyền Dự Họp tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông lần thứ nhất.

18.4. Theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp, Đại Hội Đồng Cổ Đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 17.3 của Điều Lệ này.

Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông

19.1. Vào ngày tổ chức họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, Công Ty phải thực hiện thủ tục đăng ký Cổ Đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các Cổ Đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

19.2. Khi tiến hành đăng ký Cổ Đông, Công Ty sẽ cấp cho từng Cổ Đông hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Họp có quyền biểu quyết một hoặc nhiều phiếu biểu quyết, trên đó có ghi số cổ phần có quyền biểu quyết của Cổ Đông hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Họp đó.

Tất cả các vấn đề chương trình của Đại hội đều được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết công khai của tất cả các cổ đông bằng phiếu biểu quyết.

Cổ đông, đại diện Cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng Cổ đông đều có quyền biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông, tương ứng với số cổ phần sở hữu và số cổ phần được ủy quyền.

Cổ đông biểu quyết bằng cách dong thẻ biểu quyết công khai.

Đại hội thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc kiểm phiếu biểu quyết được tiến hành bằng cách xác định số phiếu biểu quyết tán thành, số phiếu không tán thành và số phiếu không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

19.3. Cổ Đông đến dự cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông để cho Cổ Đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi Cổ Đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.

19.4. Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị làm chủ tọa cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên và các cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông khác do Hội Đồng Quản Trị triệu tập. Trường hợp Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội Đồng Quản Trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp. Trường hợp không có người trong Hội Đồng Quản Trị có thể làm chủ tọa thì thành viên Hội Đồng Quản Trị có chức vụ cao nhất điều khiển cuộc họp để Đại Hội Đồng Cổ Đông bầu Chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông điều khiển cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử là Chủ tọa cuộc họp. Trong các trường hợp bầu Chủ tọa nêu trên, tên Chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho Chủ tọa phải được công bố. Chủ tọa sẽ đề cử một thư ký để lập biên bản cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.

19.5. Chủ tọa có quyền quyết định về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.

19.6. Chủ tọa cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông có thể hoãn họp Đại Hội Đồng Cổ Đông ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do Chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của Đại Hội Đồng Cổ Đông nếu Chủ tọa nhận thấy rằng (a) các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện tại địa điểm tổ chức họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, hoặc (b) hành vi của những người có mặt làm mất trật tự hoặc có khả năng làm mất trật tự của cuộc họp. Thời gian hoãn tối đa không quá ba (3) ngày kể từ ngày dự định khai mạc cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.

19.7. Trường hợp Chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trái với quy định tại Điều 19.6 của Điều Lệ này, Đại Hội Đồng Cổ Đông bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế Chủ tọa tiếp tục điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết trước đó tại cuộc họp sẽ không bị ảnh hưởng.

19.8. Chủ tọa của cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc Thư ký cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.

19.9. Hội Đồng Quản Trị có thể yêu cầu các Cổ Đông hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Hợp tham dự cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội Đồng Quản Trị cho là thích hợp. Trường hợp có Cổ Đông hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Hợp không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Hội Đồng Quản Trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất Cổ Đông hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Hợp nói trên ra khỏi cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.

19.10. Hội Đồng Quản Trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội Đồng Quản Trị cho là thích hợp để:

- (a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm chính họp Đại Hội Đồng Cổ Đông;
- (b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp; và
- (c) Tạo điều kiện cho Cổ Đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.

Hội Đồng Quản Trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội Đồng Quản Trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

19.11. Trong trường hợp tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Hội Đồng Quản Trị khi xác định địa điểm họp có thể:

- (a) Thông báo rằng cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông sẽ có mặt tại đó (“Địa điểm chính của cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông”);
- (b) Bố trí, tổ chức để những Cổ Đông hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Hợp không dự họp được hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông có thể đồng thời tham dự cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông;

Thông báo về việc tổ chức họp Đại Hội Đồng Cổ Đông không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo điều khoản này.

19.12. Trong Điều Lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi Cổ Đông sẽ được coi là tham gia cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông ở Địa điểm chính của cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.

19.13. Hàng năm Công Ty phải tổ chức họp Đại Hội Đồng Cổ Đông ít nhất một lần. Cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản.

19.14. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 20. Thông qua quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông

20.1. Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc dưới hình thức lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản.

20.2. Các quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông:

- (a) Thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán;
- (b) Thông qua báo cáo thường niên
- (c) Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị về tình hình quản trị công ty và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị
- (d) Thông qua kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công Ty; và
- (e) Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm, thay thế thành viên Hội Đồng Quản Trị.

Ngoại trừ năm vấn đề nêu trên, Đại Hội Đồng Cổ Đông có thể thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản đối với tất cả các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại Hội Đồng Cổ Đông.

20.3. Quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông được thông qua tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông khi thuộc một trong các trường hợp sau:

- (a) Được số Cổ Đông đại diện ít nhất năm mươi một (51%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả các Cổ Đông dự họp chấp thuận, ngoại trừ các trường hợp nêu tại điểm (b) và điểm (c) dưới đây.
- (b) Các quyết định về các vấn đề sau đây được thông qua khi được số Cổ Đông đại diện ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả các Cổ Đông dự họp chấp thuận:
 - (i) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - (ii) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - (iii) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công Ty;

- (iv) Dự án đầu tư, giao dịch bán tài sản hoặc giao dịch mua do Công Ty thực hiện, có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công Ty được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán gần nhất; và
 - (v) Tổ chức lại, giải thể Công Ty.
- (c) Việc biểu quyết bầu thành viên Hội Đồng Quản Trị phải được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi Cổ Đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội Đồng Quản Trị, và Cổ Đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội Đồng Quản Trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cần bầu cuối cùng, Đại Hội Đồng Cổ Đông sẽ tiến hành bầu tiếp trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc quyết định lựa chọn theo tiêu chí quy định tại Quy chế Bầu cử.

20.4. Quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông dưới hình thức lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản được thông qua khi đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 20.2 và Điều 21.8 của Điều Lệ này.

Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông được thực hiện theo quy định sau đây:

21.1. Hội Đồng Quản Trị có quyền lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công Ty.

21.2. Hội Đồng Quản Trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng Cổ Đông. Hội Đồng Quản Trị phải đảm bảo gửi và công bố tài liệu cho các Cổ Đông trong một thời gian hợp lý để các Cổ Đông xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.

21.3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- (a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Công Ty;
- (b) Mục đích lấy ý kiến;
- (c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Cổ Đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của Cổ Đông hoặc Đại Diện Theo Ủy Quyền của Cổ Đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của Cổ Đông;
- (d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

- (đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- (e) Thời hạn phải gửi về Công Ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời; và
- (g) Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công Ty.

21.4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Cổ Đông là cá nhân, của người Đại Diện Theo Ủy Quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của Cổ Đông là tổ chức.

Phiếu lấy ý kiến gửi về Công Ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến Công Ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ.

21.5. Hội Đồng Quản Trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự có mặt của Người phụ trách Quản trị Công ty hoặc của Cổ Đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công Ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- (a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;
- (b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- (c) Số Cổ Đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ;
- (d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- (đ) Các quyết định đã được thông qua; và
- (e) Họ, tên, chữ ký của Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị hoặc người đại diện theo pháp luật của Công Ty và của người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội Đồng Quản Trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

21.6. Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công Ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ làm việc, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

21.7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty.

21.8. Các quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông dưới hình thức lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản được thông qua khi các Cổ Đông đại diện cho ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công Ty chấp thuận. Quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông được thông qua theo hình thức lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.

Điều 22. Nghị quyết, Biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông

22.1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

22.2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

22.3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

22.4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông

23.1. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản hoặc kể từ ngày Công Ty công bố thông tin các tài liệu này, Cổ Đông, thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc, có quyền yêu cầu Toà Án hoặc Trung Tâm Trọng Tài Quốc Tế Việt Nam bên cạnh Phòng Thương Mại và Công nghiệp Việt Nam ("Trọng tài") xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông trong các trường hợp sau đây:

- (a) Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ này; và
- (b) Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm Pháp Luật hoặc Điều Lệ này.

23.2. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 147 Luật Doanh nghiệp, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền

23.3. Trường hợp quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc người tổ chức lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc tổ chức lại việc lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ này trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài có hiệu lực.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

24.1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

24.2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có thể tập hợp phiếu bầu vào với nhau để đề cử các ứng viên vào Hội Đồng Quản Trị. Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông nắm giữ từ mười phần trăm (10%) đến dưới hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công Ty có quyền đề cử một (1) ứng viên Hội Đồng Quản Trị; từ hai mươi phần trăm (20%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) được đề cử hai (2) ứng viên; từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới năm mươi phần trăm (50%) được đề cử ba (3) ứng viên; từ năm mươi phần trăm (50%) đến dưới sáu mươi lăm phần trăm (65%) được đề cử bốn (4) ứng viên; và từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

24.3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng

trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

24.4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội Đồng Quản Trị

25.1. Số lượng thành viên Hội Đồng Quản Trị là năm (5) người. Nhiệm kỳ của Hội Đồng Quản Trị là năm (5) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội Đồng Quản Trị không quá năm (5) năm; thành viên Hội Đồng Quản Trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội Đồng Quản Trị độc lập phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội Đồng Quản Trị. Thành viên Hội Đồng Quản Trị có thể không mang quốc tịch Việt Nam và/hoặc không cư trú tại Việt Nam.

25.2. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội Đồng Quản Trị thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Hội Đồng Quản Trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về Quản trị công ty. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử

25.3. Hội Đồng Quản Trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội Đồng Quản Trị mới để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông gần nhất. Sau khi được Đại Hội Đồng Cổ Đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội Đồng Quản Trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội Đồng Quản Trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội Đồng Quản Trị. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại Hội Đồng Cổ Đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội Đồng Quản Trị đã được thông qua trước thời điểm diễn ra cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên đó vẫn được coi là có hiệu lực.

25.4. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội Đồng Quản Trị phải được công bố thông tin theo các quy định của Pháp Luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

25.5. Thành viên Hội Đồng Quản Trị không nhất thiết phải là Cổ Đông.

Điều 26. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội Đồng Quản Trị

26.1. Hội Đồng Quản Trị giám sát và chỉ đạo hoạt động kinh doanh và các công việc của Công Ty. Hội Đồng Quản Trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công Ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại Hội Đồng Cổ Đông.

26.2. Hội Đồng Quản Trị có trách nhiệm giám sát Tổng Giám Đốc và các Người Quản Lý khác.

26.3. Quyền và nghĩa vụ của Hội Đồng Quản Trị do Pháp Luật, Điều Lệ này, các quy chế nội bộ của Công Ty và quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông quy định. Cụ thể, Hội Đồng Quản Trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:

- (a) Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;

- (b) Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua;
- (c) Bổ nhiệm, miễn nhiệm và bãi nhiệm Tổng Giám Đốc Công Ty; bổ nhiệm, miễn nhiệm và bãi nhiệm những Người Quản Lý khác theo đề nghị của Tổng Giám Đốc; quyết định mức lương và lợi ích khác của Tổng Giám Đốc Công Ty và những Người Quản Lý khác;
- (d) Quyết định cơ cấu tổ chức của Công Ty;
- (đ) Giải quyết các khiếu nại của Công Ty đối với Người Quản Lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công Ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại Người Quản Lý đó;
- (e) Đề xuất việc phát hành cổ phần mới, các loại cổ phần có thể phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;
- (g) Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi hoặc trái phiếu kèm chứng quyền trình Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định;
- (h) Quyết định việc phát hành các loại trái phiếu khác (ngoài trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền) hoặc các hình thức khác để huy động thêm vốn.
- (i) Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán khác trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;
- (k) Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức tạm ứng cổ tức; tổ chức việc chi trả cổ tức;
- (l) Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công Ty;
- (m) Cử, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp của Công Ty tại các công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó; đề cử người ứng cử các chức danh quản lý trong các công ty đó; bổ nhiệm, miễn nhiệm và bãi nhiệm các chức danh quản lý trong các công ty do Công Ty nắm giữ một trăm phần trăm (100%) vốn điều lệ; và
- (n) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp Luật và Điều Lệ này.

26.4. Những vấn đề sau đây phải được Hội Đồng Quản Trị phê chuẩn:

- (a) Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công Ty;
- (b) Thành lập các công ty con của Công Ty;
- (c) Quyết định các hợp đồng, giao dịch của Công Ty quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp và có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.
- (d) Việc Công Ty vay nợ, phát hành trái phiếu hoặc các công cụ nợ khác; việc thực hiện các khoản cầm cố, thế chấp, bảo lãnh hoặc các biện pháp bảo đảm khác của Công Ty; việc thực hiện các khoản bồi thường của Công Ty;

- (đ) Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá một phần trăm (1%) tổng giá trị tài sản của Công Ty được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán gần nhất hoặc các khoản đầu tư vượt quá mười phần trăm (10%) giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
- (e) Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
- (g) Việc định giá các tài sản góp vào Công Ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công Ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
- (h) Việc Công Ty mua lại không quá mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mỗi mười hai tháng; quyết định giá mua lại cổ phần của Công Ty;
- (i) Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội Đồng Quản Trị quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;
- (k) Ban hành Quy chế quản trị nội bộ của Công Ty.

26.5. Hội Đồng Quản Trị phải báo cáo Đại Hội Đồng Cổ Đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội Đồng Quản Trị đối với Tổng Giám Đốc và những Người Quản Lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội Đồng Quản Trị không trình báo cáo cho Đại Hội Đồng Cổ Đông, báo cáo tài chính năm của Công Ty sẽ bị xem là không có giá trị và chưa được Hội Đồng Quản Trị thông qua.

26.6. Trừ khi Pháp Luật và Điều Lệ này quy định khác, Hội Đồng Quản Trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và các Người Quản Lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công Ty.

26.7. Thành viên Hội Đồng Quản Trị (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội Đồng Quản Trị. Tổng mức thù lao cho Hội Đồng Quản Trị sẽ do Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội Đồng Quản Trị theo thoả thuận trong Hội Đồng Quản Trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.

26.8. Tổng số tiền thù lao cho các thành viên Hội Đồng Quản Trị, bao gồm thù lao và các lợi ích khác được hưởng từ Công Ty, phải được công bố theo quy định của Pháp Luật.

26.9. Thành viên Hội Đồng Quản Trị nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ Tịch hoặc Phó Chủ Tịch), hoặc thành viên Hội Đồng Quản Trị làm việc tại các tiểu ban của Hội Đồng Quản Trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội Đồng Quản Trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội Đồng Quản Trị, có thể được trả thêm tiền thù lao hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội Đồng Quản Trị.

26.10. Thành viên Hội Đồng Quản Trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội Đồng Quản Trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tham dự các cuộc họp Hội Đồng Quản Trị, các cuộc họp của các tiểu ban của Hội Đồng Quản Trị hoặc các cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.

Điều 27. Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị

27.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

27.2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.

27.3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

27.4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

27.5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 28. Các cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị

28.1. Họp bầu Chủ Tịch: Trường hợp Hội Đồng Quản Trị bầu Chủ Tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội Đồng Quản Trị để bầu Chủ Tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội Đồng Quản Trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị theo nguyên tắc đa số.

28.2. Các cuộc họp thường kỳ: Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập các cuộc họp Hội Đồng Quản Trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm ngày làm việc trước ngày họp dự kiến. Chủ Tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.

28.3. Các cuộc họp bất thường: Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công Ty. Ngoài ra, Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây có đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp và các vấn đề cần thảo luận:

- (a) Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) Người Điều Hành Doanh Nghiệp Khác;
- (b) Một thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- (c) Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;

28.4. Các cuộc họp Hội Đồng Quản Trị nêu tại Điều 28.3 trên đây phải được tiến hành trong thời hạn mười lăm ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ Tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công Ty; và trong trường hợp đó, những người đề nghị tổ chức cuộc họp theo quy định tại Điều 28.3 trên đây có thể tự mình triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị.

28.5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công Ty.

28.6. Địa điểm họp: Các cuộc họp Hội Đồng Quản Trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công Ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị.

28.7. Thông báo và chương trình họp: Thông báo họp Hội Đồng Quản Trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội Đồng Quản Trị ít nhất ba ngày làm việc trước khi tổ chức họp. Thông báo họp Hội Đồng Quản Trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội Đồng Quản Trị.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội Đồng Quản Trị được đăng ký tại Công Ty.

28.8. Số thành viên tham dự tối thiểu: Các cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị được coi là hợp lệ khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội Đồng Quản Trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định tại câu trên, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được coi là hợp lệ nếu có hơn một nửa (1/2) tổng số thành viên Hội Đồng Quản Trị dự họp.

28.9. Biểu quyết:

- (a) Trừ quy định tại Điều 28.9(b) của Điều Lệ này, mỗi thành viên Hội Đồng Quản Trị hoặc người được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Hội Đồng Quản Trị sẽ có một (1) phiếu biểu quyết.
- (b) Thành viên Hội Đồng Quản Trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc Người Có Liên Quan của thành

viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công Ty. Một thành viên Hội Đồng Quản Trị sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội Đồng Quản Trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.

- (c) Theo quy định tại Điều 28.9(d) của Điều Lệ này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội Đồng Quản Trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết của một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội Đồng Quản Trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp quyết định. Phán quyết của chủ tọa liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội Đồng Quản Trị liên quan chưa được công bố đầy đủ.
- (d) Thành viên Hội Đồng Quản Trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điều 34.4(a) và Điều 34.4(b) của Điều Lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

28.10. Công khai lợi ích: Thành viên Hội Đồng Quản Trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công Ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội Đồng Quản Trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội Đồng Quản Trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công Ty, thành viên Hội Đồng Quản Trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội Đồng Quản Trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

28.11. Biểu quyết đa số: Các nghị quyết hoặc quyết định của Hội Đồng Quản Trị sẽ được thông qua tại cuộc họp Hội Đồng Quản Trị khi có ý kiến tán thành của đa số quá bán thành viên Hội Đồng Quản Trị có mặt. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ Tịch sẽ là lá phiếu quyết định.

28.12. Hợp trên điện thoại hoặc các hình thức khác: Cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội Đồng Quản Trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- (a) Nghe từng thành viên Hội Đồng Quản Trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp; và
- (b) Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện thông tin liên lạc khác hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều Lệ này, thành viên Hội Đồng Quản Trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội Đồng Quản Trị đồng nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp, nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội Đồng Quản Trị tham dự cuộc họp này.

28.13. Nghị quyết bằng văn bản: Hội Đồng Quản Trị có thể thông qua nghị quyết bằng việc lấy ý kiến các thành viên Hội Đồng Quản Trị bằng văn bản. Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội Đồng Quản Trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ. Việc lấy ý kiến bằng văn bản sẽ được thực hiện như sau:

- (a) Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị có quyền lấy ý kiến các thành viên Hội Đồng Quản Trị bằng văn bản để thông qua các nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị bất kỳ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công Ty.
- (b) Khi lấy ý kiến các thành viên Hội Đồng Quản Trị bằng văn bản, nghị quyết sẽ được thông qua khi có ý kiến tán thành của đa số quá bán các thành viên Hội Đồng Quản Trị trên tổng số thành viên Hội Đồng Quản Trị có quyền biểu quyết đối với vấn đề được lấy ý kiến. Trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì ý kiến của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị sẽ là ý kiến quyết định.
- (c) Nghị quyết bằng văn bản có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội Đồng Quản Trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức hợp lệ.

28.14. Biên bản họp Hội Đồng Quản Trị: Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội Đồng Quản Trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội Đồng Quản Trị được lập bằng tiếng Việt và phải được ký bởi chủ tọa và người ghi biên bản của cuộc họp.

28.15. Những người được mời họp dự thính: Tổng Giám Đốc, những Người Quản Lý khác và các chuyên gia của một bên thứ ba có thể dự họp Hội Đồng Quản Trị theo lời mời của Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị nhưng không được biểu quyết, trừ khi bản thân họ là thành viên Hội Đồng Quản Trị hoặc là người được thành viên Hội Đồng Quản Trị ủy quyền.

Điều 29. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

29.1. Các tiểu ban của Hội Đồng Quản Trị: Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban

29.2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 30. Người Phụ Trách Quản Trị Công Ty

30.1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người Phụ Trách Quản Trị Công Ty do Hội đồng quản trị quyết định. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người Phụ Trách Quản Trị Công Ty vào bất kỳ thời điểm nào nhưng không trái các quy định của pháp luật hiện hành về lao động.

Hội Đồng Quản Trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty. Vai trò và nhiệm vụ của Người Phụ Trách Quản Trị Công Ty bao gồm:

- (a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- (b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị;
- (c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- (d) Tham dự các cuộc họp;
- (e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- (f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị;
- (g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.
- (h) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- (i) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

30.2. Thư ký Công Ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của Pháp Luật và Điều Lệ này.

30.3. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY

Điều 31. Tổ chức bộ máy quản lý

Công Ty sẽ ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của Hội Đồng Quản Trị. Công Ty có một Tổng Giám Đốc, một hoặc một số Phó Tổng Giám Đốc và một Kế Toán Trưởng do Hội Đồng Quản Trị bổ nhiệm. Tổng Giám Đốc và các Phó Tổng Giám Đốc có thể đồng thời là thành viên Hội Đồng Quản Trị, và được Hội Đồng Quản Trị bổ nhiệm, bãi nhiệm hoặc bãi nhiệm.

Điều 32. Người Điều Hành Công ty

32.1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.

32.2. Mức lương, tiền thù lao và các lợi ích khác của Tổng Giám Đốc sẽ do Hội Đồng Quản Trị quyết định.

32.3. Mức lương, tiền thù lao và các lợi ích khác của những Người Điều Hành Doanh Nghiệp Khác sẽ do Hội Đồng Quản Trị quyết định theo đề xuất của Tổng Giám Đốc”
Thông tin về mức lương của Người Điều Hành Doanh Nghiệp Khác phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính và Báo cáo thường niên của Công Ty.

32.4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 33. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám Đốc

33.1. Bổ nhiệm: Hội Đồng Quản Trị sẽ bổ nhiệm một thành viên Hội Đồng Quản Trị hoặc một người khác làm Tổng Giám Đốc. Hội Đồng Quản Trị sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, trợ cấp, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thông tin về mức lương, thù lao, trợ cấp và lợi ích của Tổng Giám Đốc phải được báo cáo trong Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên và được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính và Báo cáo thường niên của Công Ty.

33.2. Nhiệm kỳ: Nhiệm kỳ của Tổng Giám Đốc là không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám Đốc không được phép là những người bị Pháp Luật cấm giữ chức vụ này.

33.3. Quyền hạn và nhiệm vụ: Tổng Giám Đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:

- (a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- (b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- (c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
- (d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- (e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- (f) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
- (g) Tuyển dụng lao động;
- (h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- (i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

33.4. Báo cáo lên Hội Đồng Quản Trị và các Cổ Đông: Tổng Giám Đốc chịu trách nhiệm trước Hội Đồng Quản Trị và Đại Hội Đồng Cổ Đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.

33.5. Bãi nhiệm: Hội Đồng Quản Trị có thể bãi nhiệm hoặc miễn nhiệm Tổng Giám Đốc khi có đa số thành viên Hội Đồng Quản Trị có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng Giám Đốc mới thay thế.

IX. ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 34. Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban kiểm toán

34.1. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán do Hội đồng quản trị đề cử và không phải là người điều hành Công ty.

34.2. Việc bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác trong Ủy ban kiểm toán phải được Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

Điều 35. Thành phần Ủy ban Kiểm toán

35.1. Ủy ban kiểm toán có từ 02 thành viên trở lên. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán phải là các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.

35.2. Thành viên Ủy ban kiểm toán phải có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của Công ty và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

35.3. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh.

Điều 36. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán

Ủy ban kiểm toán có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 161 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quyền, nghĩa vụ sau:

36.1. Được quyền tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty, trao đổi với các thành viên Hội đồng quản trị khác, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của Ủy ban kiểm toán.

36.2. Có quyền yêu cầu đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề liên quan báo cáo tài chính kiểm toán tại các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán.

36.3. Sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán hoặc các tư vấn khác bên ngoài khi cần thiết.

36.4. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị các chính sách phát hiện và quản lý rủi ro; đề xuất với Hội đồng quản trị các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của Công ty.

36.5. Lập báo cáo bằng văn bản gửi đến Hội đồng quản trị khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

36.6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán và trình Hội đồng quản trị thông qua.

Điều 37. Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán

37.1. Ủy ban kiểm toán phải họp ít nhất 02 lần trong một năm. Biên bản họp được lập chi tiết, rõ ràng và phải được lưu giữ đầy đủ. Người ghi biên bản và các thành viên Ủy ban kiểm toán tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp.

37.2. Ủy ban kiểm toán thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty hoặc Quy chế hoạt động Ủy ban kiểm toán quy định. Mỗi thành viên Ủy ban kiểm toán có một phiếu biểu quyết. Quyết định của Ủy ban kiểm toán được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban kiểm toán.

Điều 38. Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

38.1. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán có trách nhiệm báo cáo hoạt động tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

38.2. Báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên phải đảm bảo có các nội dung sau:

- a) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ủy ban kiểm toán và từng thành viên Ủy ban kiểm toán theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- b) Tổng kết các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán và các kết luận, kiến nghị của Ủy ban kiểm toán;
- c) Kết quả giám sát đối với báo cáo tài chính, tình hình hoạt động, tình hình tài chính của Công ty;
- d) Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
- đ) Kết quả đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của Công ty;
- e) Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp;
- g) Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban kiểm toán với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông;
- i) Các nội dung khác (nếu có).

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ

Điều 39. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và Người Quản Lý khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội Đồng Quản Trị, một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Công Ty và với một mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

40.1. Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và Người Quản Lý khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công Ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

40.2. Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và Người Quản Lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội Đồng Quản Trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công Ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác theo quy định của pháp luật, trừ các trường hợp theo quy định tại Điểm r Khoản 2 Điều 14 và Khoản 3 Điều 40 của Điều lệ này. Những đối tượng nêu trên chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên Hội Đồng Quản Trị không có lợi ích liên quan biểu quyết tán thành. Nội dung các thông tin cần thông báo bao gồm:

- (a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà họ sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó.
- (b) Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà Người Có Liên Quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên ba mươi lăm phần trăm (35%) vốn điều lệ.

Việc kê khai theo quy định tại điều khoản này phải được thực hiện trong thời hạn bảy (7) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được khai báo tới Công Ty trong thời hạn bảy (7) ngày làm việc, kể từ khi có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

Việc kê khai theo quy định tại điều khoản này phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty. Cổ Đông, Đại Diện Theo Ủy Quyền của Cổ Đông, thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc có quyền xem xét nội dung kê khai bất cứ lúc nào nếu thấy cần thiết.

Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công Ty đều phải giải trình bản chất, nội dung công việc đó trước Hội Đồng Quản Trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội Đồng Quản Trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội Đồng Quản Trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công Ty.

40.3. Trừ khi Đại Hội Đồng Cổ Đông có quyết định khác, Công Ty không được phép cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc, Người Quản Lý, và Người Có Liên Quan của họ hoặc pháp nhân mà những người này có các

lợi ích tài chính, trừ trường hợp Công ty và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty con, công ty liên kết.

40.4. Một hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công Ty và các đối tượng sau đây (trừ các giao dịch nêu tại tại Điểm r Khoản 2 Điều 14 và Khoản 3 Điều 40 của Điều lệ này):

- (a) Cổ Đông, đại diện ủy quyền của Cổ Đông sở hữu trên ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng số cổ phần phổ thông của Công Ty và Người Có Liên Quan của họ;
- (b) Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và Người Có Liên Quan của họ;
- (c) Doanh nghiệp mà thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và Người Quản Lý khác có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần;
- (d) Doanh nghiệp mà Người Có Liên Quan của thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và Người Quản Lý khác cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên ba mươi lăm phần trăm (35%) vốn điều lệ;

sẽ không bị vô hiệu, nếu:

- (i) đối với những hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản của Công Ty được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của Người Quản Lý hoặc thành viên Hội Đồng Quản Trị đã được báo cáo Hội Đồng Quản Trị và được Hội Đồng Quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của thành viên Hội Đồng Quản Trị không có lợi ích liên quan
- (ii) đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của Người Quản Lý hoặc thành viên Hội Đồng Quản Trị đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc, Người Quản Lý hay Người Có Liên Quan của họ không được sử dụng, hoặc tiết lộ cho người khác, các thông tin chưa được phép công bố của Công Ty để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

41.1. Trách nhiệm về thiệt hại: Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và Người Quản Lý vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mất cân và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

41.2. Bồi thường: Công Ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính, và không phải là các vụ kiện do Công Ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội Đồng Quản Trị, Người Quản Lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công Ty uỷ quyền, hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công Ty với tư cách thành

viên Hội Đồng Quản Trị, Người Quản Lý, nhân viên hoặc đại diện được uỷ quyền của Công Ty, với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công Ty, trên cơ sở tuân thủ Pháp Luật và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

41.3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), các khoản tiền phạt hoặc các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ Pháp Luật cho phép. Công Ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

42.1. Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông quy định tại Điều 11.3 của Điều Lệ này có quyền trực tiếp hoặc người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của Công Ty danh sách Cổ Đông, các biên bản của Đại Hội Đồng Cổ Đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được uỷ quyền của Cổ Đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của Cổ Đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao chứng thực của giấy uỷ quyền này kèm theo các tài liệu chứng minh quyền sở hữu cổ phần của Công Ty của Cổ Đông đó.

42.2. Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và Người Quản Lý có quyền kiểm tra sổ đăng ký Cổ Đông của Công Ty, danh sách Cổ Đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công Ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

42.3. Công Ty sẽ phải lưu Điều Lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều Lệ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp và nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông và Hội Đồng Quản Trị, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của Pháp Luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các Cổ Đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.

42.4. Điều Lệ Công Ty phải được công bố trên website của Công Ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 43. Công nhân viên và công đoàn

43.1. Tổng Giám Đốc phải lập kế hoạch đề Hội Đồng Quản Trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, buộc thôi việc, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với Người Quản Lý và người lao động.

43.2. Tổng Giám Đốc phải lập kế hoạch đề Hội Đồng Quản Trị thông qua các vấn đề liên quan đến mối quan hệ của Công Ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều Lệ này, các quy chế của Công Ty và quy định Pháp Luật hiện hành.

XIII. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 44. Cổ tức

44.1. Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công Ty. Cổ tức có thể được trả bằng tiền, bằng cổ phiếu của Công Ty hoặc bằng các tài sản khác theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông. Công Ty chỉ được trả cổ tức cho Cổ Đông khi Công Ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp Luật; trích lập các quỹ và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của Pháp Luật và Điều Lệ này. Ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Công Ty vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

44.2. Theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, Hội Đồng Quản Trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công Ty.

44.3. Trường hợp cổ tức được chi trả bằng tiền mặt, Công Ty sẽ chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua việc chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng do Cổ Đông cung cấp. Trường hợp Công Ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do Cổ Đông cung cấp mà Cổ Đông đó không nhận được tiền, Công Ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công Ty chuyển cho Cổ Đông. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán Việt Nam.

Điều 45. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận

Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của Pháp Luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 46. Tài khoản ngân hàng

46.1. Công Ty sẽ mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

46.2. Trong trường hợp cần thiết, Công Ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của Pháp Luật.

46.3. Công Ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công Ty mở tài khoản.

Điều 47. Năm tài khóa

Năm tài khóa của Công Ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm dương lịch và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm.

Điều 48. Hệ Thống Kế Toán

48.1. Hệ thống kế toán Công Ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

48.2. Công Ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công Ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công Ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công Ty.

48.3. Công Ty sử dụng đồng Việt Nam (hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi trong trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận) làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 49. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý và báo cáo thường niên

49.1. Công Ty phải lập báo cáo tài chính năm theo quy định của Pháp Luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo tài chính phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 47 của Điều Lệ này. Công Ty sẽ công bố thông tin báo cáo tài chính năm theo quy định của Pháp Luật.

49.2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công Ty trong năm tài chính, bản cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công Ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

49.3. Công Ty phải lập các báo cáo sáu tháng và hàng quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao Dịch Chứng Khoán, và nộp cho cơ quan thuế hữu quan theo quy định của Pháp Luật.

49.4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng và quý của Công Ty phải được công bố trên website của Công Ty.

49.5. Công Ty phải lập và công bố báo cáo thường niên theo các quy định của Pháp Luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

49.6. Các tổ chức, các nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp

Điều 50. Công bố thông tin

Các báo cáo tài chính năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được công bố ra công chúng theo những quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 51. Kiểm toán

51.1. Tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên, Công Ty sẽ chỉ định một công ty kiểm toán độc lập, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận, kiểm toán cho các công ty niêm yết, hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội Đồng Quản Trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này, tiến hành các hoạt động kiểm toán Công Ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội Đồng Quản Trị.

51.2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công Ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội Đồng Quản Trị trong vòng chín mươi (90) ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

51.3. Theo quyết định của Hội Đồng Quản Trị, kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công Ty được phép tham dự các cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại Hội Đồng Cổ Đông mà các Cổ Đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

XVII. CON DẤU

Điều 52. Con dấu

52.1. Hội Đồng Quản Trị sẽ quyết định thông qua con dấu chính thức của Công Ty và con dấu được khắc theo quy định của Pháp Luật.

52.2. Hội Đồng Quản Trị và Tổng Giám Đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của Pháp Luật.

XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 53. Chấm dứt hoạt động

53.1. Công Ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong một trong những trường hợp sau:

- (a) Toà án tuyên bố Công Ty phá sản theo quy định của Pháp Luật;
- (b) Giải thể theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông; hoặc
- (c) Các trường hợp khác do Pháp Luật quy định.

53.2. Việc giải thể Công Ty sẽ do Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định và Hội Đồng Quản Trị thực hiện. Quyết định giải thể này có thể phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Pháp Luật.

Điều 54. Thanh lý

54.1. Sau khi có quyết định giải thể Công Ty, Hội Đồng Quản Trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (3) thành viên, trong đó hai (2) thành viên do Đại Hội Đồng Cổ Đông chỉ định và một (1) thành viên do Hội Đồng Quản Trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công Ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công Ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ của Công Ty.

54.2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động của Ban thanh lý. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công Ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công Ty trước Toà án và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

54.3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

- (a) Các chi phí thanh lý;
- (b) Tiền lương, trợ cấp thôi việc và chi phí bảo hiểm cho người lao động của Công Ty;
- (c) Thuế và các khoản nộp cho Nhà nước;
- (d) Các khoản nợ của Công Ty; và
- (đ) Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây sẽ được phân chia cho các Cổ Đông. Các Cổ Đông sở hữu cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ

55.1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công Ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các Cổ Đông theo quy định tại Điều Lệ này, Luật Doanh Nghiệp hoặc các quy định Pháp Luật khác, giữa:

- (a) Cổ Đông với Công Ty; hoặc
- (b) Cổ Đông với Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc hay Người Quản Lý.

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội Đồng Quản Trị hay Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị, Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các vấn đề liên quan đến tranh chấp trong vòng năm (5) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội Đồng Quản Trị hay Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Trưởng Ban Kiểm Soát chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

55.2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu mươi (60) ngày kể từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án có thẩm quyền để giải quyết.

55.3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí liên quan đến việc giải quyết tranh chấp tại Trọng tài hoặc Tòa án sẽ được thanh toán theo phán quyết của Trọng tài hoặc Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 56. Bổ sung và sửa đổi Điều Lệ

56.1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều Lệ này phải được Đại Hội Đồng Cổ Đông xem xét quyết định.

56.2. Trong trường hợp có những quy định của Pháp Luật có liên quan đến hoạt động của Công Ty chưa được đề cập trong bản Điều Lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Pháp Luật khác với những điều khoản trong Điều Lệ này thì những quy định của Pháp Luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công Ty .

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 57. Ngày hiệu lực

57.1. Bản Điều Lệ này gồm 21 Chương, 57 Điều, được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua và có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 04 năm 2025.

57.2. Điều Lệ có thể lập thành nhiều bản, có giá trị như nhau, trong đó ít nhất một bản lưu trữ tại trụ sở chính của Công Ty.

57.3. Điều Lệ này là duy nhất và chính thức của Công Ty và thay thế bản Điều Lệ và các phụ lục sửa đổi Điều Lệ trước đây.

57.4. Các bản sao hoặc trích lục Điều Lệ này có giá trị khi có chữ ký của Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội Đồng Quản Trị.

Chữ ký của Người Đại Diện Theo Pháp Luật của Công Ty



ÔNG ĐOÀN HỒNG VIỆT
Chủ tịch Hội đồng quản trị